**Kinh nghiệm nước ngoài trong lĩnh vực giám định, công chứng, thừa phát lại có thể tham khảo tại Việt Nam**

**1. Lĩnh vực giám định tư pháp**

***1.1. Về khái niệm giám định tư pháp***

Quan niệm chung của các nước về giám định tư pháp là giám định được thực hiện bởi nhà chuyên môn (người am hiểu, tinh thông về lĩnh vực cần giám định) để làm sáng tỏ vấn đề có liên quan, theo trưng cầu của cơ quan điều tra, truy tố và xét xử đến vụ án dưới góc độ chuyên môn nhằm phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Chẳng hạn như: (1) ở Pháp có quy định rất rõ rằng việc giám định được thực hiện theo trưng cầu của thẩm phán (có thẩm phán điều tra, thẩm phán xét xử và thẩm phán thi hành án) thì được coi là giám định tư pháp; (2) pháp luật của Thụy Điển lại cho rằng, chỉ cần xác định việc giám định đó có được đánh giá và sử dụng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án hay không, nếu kết luận giám định nào phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án và được Hội đồng xét xử chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án thì được coi là giám định tư pháp.

***1.2. Về khái niệm người giám định***

Nhìn chung, các nước đều quan niệm, bất kỳ một chuyên gia nào không phân biệt là công chức nhà nước hay người hành nghề tự do đều có thể là người giám định nếu như người đó thực sự am hiểu, tinh thông trong lĩnh vực cần giám định và được các cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định.        Tuy nhiên, hầu hết các nước đều có phân loại người giám định thành giám định viên (người được cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc công nhận và ghi danh) và người giám định vụ việc.

***1.3. Căn cứ bổ nhiệm, công nhận giám định viên và tiêu chuẩn giám định viên***

Việc bổ nhiệm, công nhận giám định viên của các nước đều phải căn cứ vào nhu cầu thực tế của hoạt động tố tụng. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm hoặc công nhận giám định viên được tiến hành rất chặt chẽ nhằm bảo đảm chất lượng giám định viên.

Mặc dù, có sự khác nhau về cách thức, thủ tục bổ nhiệm hoặc công nhận, ghi danh giám định viên giữa các nước nhưng các tiêu chí về điều kiện để trở thành giám định viên của các nước về cơ bản là giống nhau. Cụ thể là các điều kiện về: trình độ chuyên môn và khả năng nghiệp vụ (hầu hết các nước còn yêu cầu người được bổ nhiệm hoặc công nhận phải qua đào tạo nghiệp vụ giám định của từng lĩnh vực); kinh nghiệm thực tế; điều kiện về sức khoẻ; về phẩm chất; thời gian và những điều kiện cần thiết cho việc tham gia hoạt động giám định tư pháp.

***1.4. Danh sách giám định viên và việc lựa chọn người giám định của cơ quan tiến hành tố tụng***

Hầu hết các nước đều lập Danh sách người giám định hoặc các nhà chuyên môn ở các lĩnh vực và phổ biến cho các cơ quan tiến hành tố tụng biết để trưng cầu giám định. Chẳng hạn như, ở Đức, ngoài lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự có giám định viên là các cán bộ chuyên môn nhà nước, còn ở các lĩnh vực khác thì các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp như Phòng Thủ công nghiệp, Phòng thương mại, Phòng xây dựng,... lựa chọn người để lập, công bố danh sách giám định viên ở các lĩnh vực ngành nghề đó để phổ biến cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Ở Pháp, Toà án là cơ quan có thẩm quyền lựa chọn và công nhận, lập Danh sách giám định viên ở tất cả các lĩnh vực chuyên môn, ngành nghề.

Nhìn chung pháp luật các nước không bắt buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải trưng cầu giám định viên được bổ nhiệm hoặc công nhận nhưng một số nước đã có quy định trong pháp luật tố tụng mang tính khuyến nghị cơ quan tiến hành tố tụng ưu tiên trưng cầu các giám định viên đã có trong danh sách.

***1.5. Về tổ chức giám định***

Các nước không thành lập hệ thống tổ chức giám định tư pháp ở tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, tất cả các nước đều có cơ quan giám định pháp y (chỉ về tử thi), pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự theo hệ thống tổ chức của cơ quan tiến hành tố tụng. Riêng về giám định kỹ thuật hình sự, thì tất cả các nước trên thế giới đều duy trì tổ chức giám định kỹ thuật hình sự trong cơ quan cảnh sát. Hầu hết các nước đều đặt giám định pháp y ở cơ quan y tế. Còn ở các lĩnh vực khác, các nước không thành lập tổ chức mà chỉ bổ nhiệm hoặc công nhận và lập Danh sách giám định viên.

***1.6. Về hoạt động giám định tư pháp***

***Về trưng cầu giám định tư pháp:*** Theo quy định của pháp luật các nước, chỉ có cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, truy tố và xét xử) mới có quyền trưng cầu giám định tư pháp cả trong tố tụng hình sự và tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thông thường thì trong án hình sự thì việc trưng cầu giám định chủ yếu do cơ quan điều tra thực hiện. Còn trong tố tụng dân sự thì các bên có quyền tự do lựa chọn giám định viên và có thể yêu cầu Toà án đứng ra trưng cầu giám định hoặc tự họ thoả thuận với nhau về việc mời một người giám định nào đó.

*Về đánh giá, sử dụng kết luận giám định:* Pháp luật của các nước quy định kết luận giám định là một nguồn chứng cứ. Việc đánh giá và sử dụng chứng cứ thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì thế, việc đánh giá và sử dụng kết luận giám định thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng.  
Nếu có sự khác nhau thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm xem xét, đánh giá độ tin cậy của các kết luận giám định đó.

Pháp luật của các nước không có quy định về giám định cuối cùng vì việc có cần trưng cầu giám định hay không là tuỳ thuộc sự cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, với hoạt động giám định của các nước thì rất nề nếp, chặt chẽ, chất lượng, cộng với cách thức đánh giá kết luận giám định như đã nêu trên nên ít có mâu thuẫn kết luận giám định và nếu có thì đều được cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết thoả đáng, hầu như không có khiếu kiện và không phải trưng cầu giám định nhiều lần.

2. Lĩnh vực công chứng

*2.1. Khái niệm công chứng*

Nhìn chung các nước đều quy định công chứng là hoạt động của cơ quan công chứng xác nhận tính xác thực và tính hợp pháp của các hành vi pháp lý dân sự, sự kiện pháp lý và các văn bản pháp lý theo các trình tự quy định của pháp luật.

*2.2. Chức năng của công chứng*

Hệ thống công chứng có hai chức năng chính. Thứ nhất là để ngăn chặn các tranh chấp pháp lý: việc chuẩn bị các văn bản công chứng mang lại bằng chứng rõ ràng liên quan đến các quyền lợi hợp pháp và giúp ngăn chặn tranh chấp pháp lý. Thứ hai là để giải quyết các tranh chấp pháp lý: các văn bản công chứng đáp ứng được những yêu cầu nhất định sẽ cấu thành văn bản quy phạm có hiệu lực thi hành hoặc là cơ sở để một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết khi một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình.

*2.3. Căn cứ để thực hiện công chứng*

Pháp luật của nhiều nước có quy định tương đối thống nhất về vấn đề này, đó là có hai căn cứ để thực hiện việc công chứng: công chứng theo yêu cầu và công chứng bắt buộc. Theo đó, một số loại hợp đồng, giao dịch sẽ bắt buộc phải công chứng, số còn lại thì được thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

Pháp luật Tây Ban Nha quy định một số hợp đồng, giao dịch nhất định phải bắt buộc phải công chứng, nếu không qua thủ tục công chứng thì hợp đồng không có hiệu lực thi hành, như hợp đồng hôn nhân, hợp đồng liên quan đến tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, tặng cho tài sản… được quy định rõ trong Bộ Luật dân sự để bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch. Tương tự như vậy, tại Nhật Bản các hợp đồng cho thuê thương mại hoặc sắp xếp giám hộ tự nguyện phải được CCV soạn thảo và chứng nhận thì mới có giá trị pháp lý và tính ràng buộc.

Tuy nhiên, ngoài các hợp đồng bắt buộc phải công chứng, các hợp đồng, giao dịch khác do sự tự nguyện của người dân (hợp đồng tùy nghi) thì văn bản công chứng sẽ không được Tòa án coi là một chứng cứ hiển nhiên mà chỉ coi đó là một sự kiện pháp lý. Trung Quốc là một trong các nước đi theo hướng quy định này.

*2.4. Về công chứng viên*

*Về khái niệm:* Mặc dù cách thể hiện khác nhau, song về cơ bản công chứng viên (sau đây gọi tắt là CCV) được hiểu là viên chức công được bổ nhiệm để lập các hợp đồng và văn bản mà theo đó các bên phải hoặc muốn đảm bảo tính xác thực của văn bản đó giống như văn bản của các cơ quan công quyền khác và đảm bảo việc lưu giữ, cấp bản sao của văn bản đó (Pháp, Đức, Ba Lan, Tây Ban Nha...)

*Về chức năng:* Về chức năng cơ bản, CCV có chức năng soạn thảo chứng thư liên quan đến kiện tụng hoặc luật tư pháp, chứng nhận giấy chứng nhận cá nhân và các giấy tờ số và xử lý các trường hợp theo quy định của Luật này và các quy định khác.

Pháp luật công chứng của Pháp ghi nhận CCV là các công chức được Bộ trưởng Bộ tư pháp bổ nhiệm, vì thế CCV được trao cho công quyền. CCV là người hợp thức hóa thỏa thuận của các bên và có thẩm quyền đóng con dấu xác thực vào toàn bộ các văn bản mà mình tiếp nhận. CCV cũng đảm bảo lưu giữ toàn bộ các dự thảo biên bản. Ngoài chức năng xác thực tính hợp lệ và bảo đảm an toàn cho các văn bản nói trên, các CCV còn có thể can thiệp với phạm vi rộng hơn: họ là các chuyên gia về pháp luật tổng quát với một tầm nhìn tổng thể về các vấn đề pháp lý. Họ có thể can thiệp vào khuôn khổ pháp lý nói chung và khuôn khổ pháp lý về thuế, điều đó khiến họ trở nên đặc biệt hiệu quả trong việc tư vấn cho khách hàng của mình. Do đó, các CCV có thể được mô tả là các "bác sĩ về tài sản".

Tại Đức, CCV là công chức do nhà nước bổ nhiệm, chuyên tư vấn một cách độc lập, trung lập và khách quan cho các giao dịch pháp lý quan trọng. CCV đóng vai trò then chốt trong luật về bất động sản, luật thế chấp, luật về hợp đồng, luật công ty cũng như các luật khác về gia đình và thừa kế.

Theo quy định của Tây Ban Nha, CCV là công chức có thẩm quyền cung cấp bằng chứng (niềm tin công chúng) theo quy định của pháp luật về các hợp đồng và các hoạt động ngoại tụng khác. Để thực hiện vai trò này, CCV là một người hành nghề luật độc lập, có nhiệm vụ đánh giá một cách công tâm không thiên vị những người yêu cầu cung cấp dịch vụ và tư vấn cho họ những công cụ pháp lý phù hợp nhất để đạt được kết quả hợp pháp mà họ mong muốn. Sau đó, CCV có thẩm quyền hành động và chứng từ hóa toàn bộ các tình tiết, hành vi và nói chung là mọi hoạt động kinh doanh hợp pháp trong phạm vi luật pháp ngoài tố tụng. Như vậy, có thể thấy rằng không có loại công chức nào khác có thể hành động với phạm vi rộng như CCV trong các lĩnh vực vừa nêu.

Tại Tây Ban Nha và rất nhiều nước khác, CCV được đặt dưới sự quản lý chặt chẽ của Bộ Tư pháp và được coi như công chức dù không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Nói cách khác, CCV là một công chức đặc biệt vì CCV do nhà nước bổ nhiệm nhưng lại hành nghề với tư cách tự do (tự hành nghề, tự đầu tư cơ sở vật chất, tự nuôi bộ máy giúp việc, thu nhập từ nguồn khách hàng…) mà vẫn phải tuân theo quy định của Nhà nước, đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước.  
*Về vai trò của công chứng viên*:

Hệ thống công chứng của Pháp, Tây Ban Nha, Đức và Trung Quốc quy định CCV có vai trò "thẩm phán hợp đồng", công lý phòng ngừa. Bốn hệ thống pháp luật này mang lại giá trị chứng minh và hiệu lực thi hành cho văn bản công chứng, điều này rất quan trọng đối với hòa bình xã hội vì chúng mang đến cho người dân sự đảm bảo về pháp luật cho tất cả các thủ tục dân sự cần thiết: hôn nhân, thừa kế, quyền sở hữu đất và thành lập kinh doanh. CCV không chỉ soạn văn bản mà còn là nhân chứng có đặc quyền của văn bản công chứng được các bên nhất trí. CCV cũng không phải là nhân viên tư vấn của một bên để gây thiệt hại cho bên kia mà là chuyên gia khách quan và không thiên vị để lập ra những hợp đồng công bằng vì lợi ích của tất cả mọi người. Về quyền sở hữu, CCV đảm bảo sự an toàn gần như tuyệt đối cho người nắm giữ quyền này. Nhờ đó, ở các nước phương Tây, các tranh chấp về quyền sở hữu gần như không tồn tại.

Ở Nhật Bản và Hàn Quốc, hệ thống công chứng đem lại cho CCV vai trò của nhân chứng và cán bộ chứng nhận. Họ chỉ có quyền yêu cầu thi hành nghĩa vụ trả tiền.

*Về tiêu chuẩn công chứng viên:*

Tuy có những điểm khác nhau về thể chế, hầu hết các nước đều công nhận công chứng là một nghề rất khó. CCV đều là những nhà luật học giỏi, là những chuyên gia pháp luật, có kiến thức pháp lý sâu rộng và biết cách áp dụng pháp luật nhuần nhuyễn, linh hoạt. Do vậy, việc gia nhập đội ngũ CCV là một quy trình có tính cạnh tranh rất cao; tương tự như các lĩnh vực dịch vụ công khác, việc lựa chọn các ứng viên tốt nhất là quá trình cực kỳ nghiêm ngặt (Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Trung Quốc...).

Do thống nhất quan điểm về nghề công chứng, pháp luật các nước có khá nhiều điểm tương đồng trong quy định về tiêu chuẩn CCV. Cụ thể CCV phải là công dân của nước đó, có nhân cách và năng lực phù hợp với chức danh, đã trải qua khoá đào tạo nghề dài và chuyên sâu, hoàn thành thời gian tập sự hành nghề công chứng và vượt qua kỳ thi tuyển CCV.

Để khẳng định vị trí của chức danh CCV, một số nước quy định tất cả các CCV phải đủ điều kiện chuyên môn làm thẩm phán và luật sư (Đức) hoặc đã làm CCV dự bị với một thời gian nhất định (ít nhất 2 năm theo pháp luật Ba Lan) hoặc phải là người đã được bổ nhiệm trong hơn 10 năm vào các công việc được quy định theo luật (Hàn Quốc).... Với một số đối tượng nhất định như giáo sư, tiến sỹ luật học, thẩm phán, luật sư, tư vấn pháp luật có thâm niên ít nhất 3 năm.... thì một số tiêu chuẩn có thể được xem xét giảm bớt, ví dụ như tiêu chuẩn về thời gian làm CCV dự bị hoặc được miễn khoá đào tạo nghề, miễn giảm thời gian tập sự hành nghề (Ba Lan, Trung Quốc).

*2.5. Tổ chức hành nghề công chứng*

*Về khái niệm*: Tổ chức hành nghề công chứng, với các tên gọi khác nhau theo quy định của mỗi nước, là nơi để CCV hành nghề, được thành lập theo quy định của pháp luật không vì mục đích tìm kiếm lợi nhuận, thực hiện chức năng công chứng một cách độc lập, chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

*Về các hình thức tổ chức:* Có hai mô hình tổ chức hành nghề phổ biến, đó là Văn phòng công chứng của một CCV hoặc Văn phòng công chứng của hai CCV trở lên. Một số nước như Đức, Indonexia.... chỉ cho phép loại hình thứ nhất; Trung Quốc thì lại yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng phải có ít nhất hai CCV, trong khi một số nước khác cho phép tồn tại cả hai loại hình (Tây Ban Nha, ...).

Về nguyên tắc, Văn phòng công chứng không phải là một công ty, doanh nghiệp, song thường hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Văn phòng công chứng một CCV thường hoạt động theo mô hình doanh nghiệp tư nhân; CCV Trưởng Văn phòng chịu trách nhiệm toàn bộ và vô hạn về hoạt động của tổ chức mình. Một mô hình khác là công ty dân sự do nhiều CCV hợp thành. Trong trường hợp này mỗi thành viên chỉ chịu trách nhiệm cá nhân về văn bản do mình thực hiện.  
Trong khi tổ chức hành nghề công chứng tại hầu hết các nước là của tư nhân, thì ở một số nước như Trung quốc, Đức vẫn duy trì mô hình tổ chức hành nghề công chứng nhà nước.

*2.6. Mối quan hệ giữa cơ quan công chứng và các cơ quan khác*

Công chứng luôn có mối quan hệ rất chặt chẽ với các cơ quan khác như thuế, cơ quan đăng ký nhà đất.... Để đảm bảo cho tính an toàn của hoạt động công chứng và sự thuận tiện cho người dân, cơ chế liên thông giữa các cơ quan này thường được xây dựng và hoạt động rất hiệu quả.

Một trong những cơ quan mà công chứng thường có quan hệ mật thiết nhất chính là cơ quan đăng ký nhà, đất và các tài sản khác cần đăng ký quyền sở hữu. Tại Tây Ban Nha, mối quan hệ giữa hoạt động công chứng và đăng ký ở Tây Ban Nha là rất khăng khít. Về mặt quản lý nhà nước, Tổng cục quản lý Đăng ký và Công chứng có chức năng quản lý hai mảng lớn, đó là quản lý đăng ký và quản lý công chứng; mỗi mảng do 01 Phó Tổng cục trưởng phụ trách. Hai mảng này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Với các hợp đồng, giao dịch thì giai đoạn công chứng và đăng ký là hai giai đoạn gắn liền với nhau, sau khi công chứng phải đăng ký thì giấy tờ sở hữu đó mới có giá trị, chịu sự kiểm soát song trùng.

Một cấp độ cao của cơ chế liên thông chính là cơ chế một cửa: Tại Tây Ban Nha, trong nhiều trường hợp CCV có thể thay nhà nước thu thuế. CCV ở Tây Ban Nha và Pháp đều có chức năng thu thuế thay cho nhà nước từ khách hàng. Khách hàng chỉ cần đến một đầu mối (cơ quan công chứng/cơ quan đăng ký), theo đó, cơ quan công chứng/cơ quan đăng ký thu thuế, sau đó sẽ trả cho nhà nước. Tại Đức cũng tương tự như vậy, CCV sẽ thay mặt khách hàng thực hiện toàn bộ các dịch vụ có liên quan như nộp thuế, lệ phí, đăng ký chuyển dịch tài sản tại Sở địa chính....

*2.7. Giá trị pháp lý của văn bản công chứng*

Pháp luật công chứng của tất cả các nước đều thừa nhận giá trị pháp lý cao của văn bản công chứng, mà thông thường các nước đều quy định văn bản công chứng mang tính chất của văn bản công, có giá trị chứng cứ hiển nhiên và không phải chứng minh việc lập văn bản đó hoặc tính trung thực của các t́nh tiết được nêu ra trong văn bản đó (Ba Lan, Nhật Bản....).

Mức độ giá trị được thừa nhận phổ biến nhất của văn bản công chứng là giá trị khẳng định tính xác thực của sự việc, ngoại trừ có những chứng cứ ngược lại phủ nhận văn bản công chứng này. Đối với văn bản liên quan đến nghĩa vụ đã được công chứng mà người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, người có quyền có thể gửi yêu cầu giải quyết tới Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Trung Quốc, ...).

Ở một cấp độ cao hơn, một số nước quy định các văn bản công chứng có thể được thi hành ngay. Quy định này tạo nên giá trị quan trọng đặc biệt của văn bản công chứng mặc dù nó không phải là bản án hay quyết định của Tòa án. Lý do là nó giúp giảm gánh nặng đặt lên vai tòa án, vai trò quan trọng của CCV đã được thừa nhận trong xã hội và nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng sự thỏa thuận, cam kết giữa các bên.

Pháp luật Tây Ban Nha thừa nhận văn bản công chứng có giá trị chứng cứ vật chất nên được Tòa án coi là “chứng cứ hiển nhiên”; khi được trình lên Thẩm phán thì không cần phải qua giám định hoặc xác minh, điều tra. Cũng vì được thừa nhận là chứng cứ hiển nhiên nên các bên khi đã ký vào văn bản thì không có quyền khiếu nại về nội dung của văn bản đã được công chứng mà văn bản công chứng có “giá trị thi hành ngay”, có giá trị như một phán quyết của Tòa án. Nếu một hợp đồng, giao dịch đã công chứng mà có tranh chấp thì chỉ cần chuyển một bản sao của văn bản công chứng đến là Tòa án có thể cho thi hành ngay mà không cần xem lại hợp đồng, giao dịch gốc. Với việc mua bán bất động sản, hợp đồng mua bán có công chứng được coi là giấy tờ sở hữu. Văn bản công chứng được coi là văn bản được cơ quan công quyền xác thực.

Tương tự như Tây Ban Nha, tại Pháp văn bản công chứng có giá trị cưỡng chế thi hành trên toàn lãnh thổ, trừ trường hợp bị đình chỉ thi hành bởi Tòa án CCV có thể ban hành lệnh thực thi trong một số vấn đề đặc biệt theo yêu cầu tự nguyện của các bên có liên quan. Lệnh thực thi này cho phép tịch thu tài sản của bên có nghĩa vụ (là bên đi vay, bên đi thuê v.v...) mà không cần phải ra tòa.

Tại Nhật Bản, các văn bản công chứng đáp ứng được những yêu cầu nhất định sẽ trở thành văn bản quy phạm có hiệu lực thi hành (văn bản gắn với việc thanh toán một số tiền cụ thể và các bên đã thỏa thuận với nhau về việc văn bản sẽ được thi hành ngày). Trong trường họp này, không giống như các trường hợp khi đơn khiếu nại đã nộp và bản án đã được đưa ra, các văn bản công chứng có hiệu lực thi hành có thể được đem ra thi hành mà không cần đến tòa án và được sử dụng khi cần cưỡng chế thi hành.

Luật công chứng Hàn Quốc không có một quy định nào về giá trị chứng minh và hiệu lực thi hành của các văn bản công chứng; tuy nhiên Luật lại có quy định cho phép CCV có thể soạn thảo văn bản cho phép cưỡng chế thi hành và gắn nó vào hối phiếu hoặc séc.\

Tại Đức, bên cạnh sự đảm bảo về tính chắc chắn và chính xác về mặt pháp lý, một giao dịch dưới hình thức văn bản công chứng đem lại cho các bên những lợi ích khác nữa. Cụ thể là văn bản công chứng còn được coi là bằng chứng và có khả năng thực thi ngay lập tức. Điều này có nghĩa là một văn bản công chứng là bằng chứng đầy đủ về việc các bên đã chấp nhận các cam kết được đưa ra. Hơn nữa, người phải thực hiện một yêu cầu thanh toán tiền có thể tuyên bố trong một văn bản công chứng gọi là "thực thi ngay lập tức tài sản của mình". Trong trường hợp này, chủ nợ có thể tịch thu và khai thác tài sản của người phải thi hành mà không phải nộp đơn khởi kiện. Như vậy, các văn bản công chứng được xác lập bởi một CCV có thể so sánh được với một bản án có hiệu lực thi hành của tòa.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước Pháp, Đức, Tây Ban Nha, An-giê-ri, Trung Quốc, có thể thấy công chứng viên có vai trò rất quan trọng, được coi như “thẩm pháp hợp đồng”, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa và hạn chế các rủi ro, tranh chấp. Các văn bản công chứng có giá trị pháp lý cao, có thể so sánh được với một bản án có hiệu lực thi hành của tòa.

**3. Lĩnh vực thừa phát lại**

Nghề thừa phát lại ở An-giê-ri hiện được điều chỉnh bởi Luật về tổ chức nghề thừa phát lại năm 2006. Đạo luật này gồm 68 điều được chia thành 5 chương: Chương 1 “Những quy định chung” (từ Điều 1 tới Điều 7). Chương 2 “Gia nhập nghề thừa phát lại và phương thức hành nghề” (từ Điều 8 đến Điều 38). Chương 3 “Tổ chức nghề thừa phát lại và việc thanh tra, kiểm tra” (từ Điều 39 đến Điều 48). Chương 4 “Kỷ luật” (từ Điều 49 đến Điều 63). Chương 5 “Các quy định chuyển tiếp và hiệu lực thi hành” (từ Điều 64 đến Điều 68).

Nghề thừa phát lại ở An-giê-ri chính thức được thành lập năm 1991, thừa phát lại khi đó được chuyển đổi từ các nhân viên lục sự (các thư ký Tòa án). Như vậy, nghề thừa phát lại ở An-giê-ri cũng phải trải qua giai đoạn chuyển đổi từ nhà nước thành tư nhân. Ban đầu cũng gặp rất nhiều nghi ngại nhưng đến nay, thừa phát lại trở thành nghề trụ cột trong hệ thống tư pháp ở An-giê-ri, có mối quan hệ phối hợp rất tốt với các cơ quan, tổ chức khác cũng như với các nghề tư pháp khác.  
Nghề thừa phát lại ở An-giê-ri là một nghề tự do nhưng thừa phát lại thì được coi là “công lại”. Người muốn hành nghề thừa phát lại phải là cử nhân luật, có chứng chỉ đào tạo thừa phát lại, trải qua 02 năm tập sự và phải vượt qua kỳ thi tuyển. Người hành nghề thừa phát lại do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa phát lại được quy định trong Luật về tổ chức nghề thừa phát lại năm 2006 và trong luật tố tụng dân sự là rất rộng. Theo đó, thừa phát lại có trách nhiệm: (i) thi hành các phán quyết dân sự của tòa án (có quyền bán đấu giá tài sản thi hành án theo quy định của luật tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu thẩm phán giải thích về bản án dân sự, công tố viên giải thích bản án hình sự); (ii) tống đạt giấy tờ của tòa án (dân sự, hành chính và cả hình sự), của cá nhân, tổ chức (văn bản thực hiện nghĩa vụ pháp lý của Ngân hàng, công chứng...), văn bản tương trợ tư pháp; (iii) lập vi bằng (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đối với tài sản của chính người yêu cầu và chỉ định của Tòa án cũng như các cơ quan nhà nước đối với tài sản là bất động sản của người thứ 3); đặc biệt còn được tham gia vào quá trình tố tụng. Gần đây, thừa phát lại còn được bổ sung thêm một nhiệm vụ, quyền hạn nữa là giám sát việc bỏ phiếu ở các cuộc bầu cử. Mức phí dịch vụ thừa phát lại được ấn định cụ thể, không được quyền thỏa thuận. Tỷ lệ thi hành án (do thừa phát lại thực hiện) đạt trên 90%, trung bình một vụ thi hành án trong 03 tháng, tối đa theo quy định là 06 tháng.

Hiện tại, số lượng người hành nghề thừa phát lại ở An-giê-ri là 1.500 người, sắp tới sẽ tổ chức thêm 1 kỳ thi quốc gia, bổ sung thêm khoảng 1.500 thừa phát lại nữa. Bộ Tư pháp An-giê-ri đang có đề án thành lập trường đào tạo thừa phát lại riêng. Trước khi hành nghề, thừa phát lại cũng phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Văn phòng thừa phát lại ở An-giê-ri có thể do một hoặc nhiều thừa phát lại thành lập, hoạt động tương ứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh (có văn phòng, cơ sở vật chất, thư ký nghiệp vụ...). Các văn phòng thừa phát lại không được quảng cáo về dịch vụ của mình.

Hội đồng thừa phát lại Quốc gia An-giê-ri bao gồm 25 thành viên (kể cả Chủ tịch), có 03 Văn phòng thừa phát lại vùng quản lý các Văn phòng thừa phát lại và chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng thừa phát lại quốc gia (mỗi Văn phòng thừa phát lại vùng sẽ cử ra 15 thừa phát lại để bầu lấy 8 thừa phát lại tham gia vào Hội đồng thừa phát lại Quốc gia). Thừa phát lại An-giê-ri đã gia nhập Liên minh thừa phát lại quốc tế./.

***CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP***

Nguồn: https://stp.bacgiang.gov.vn/hien-thi-noi-dung/-/asset\_publisher/wtMnvtGfRUNi/content/kinh-nghiem-nuoc-ngoai-trong-linh-vuc-giam-inh-cong-chung-thua-phat-lai-co-the-tham-khao-tai-viet-nam?inheritRedirect=false